

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/DS-ST

Ngày: 25-02-2025

“V/v tranh chấp hợp vay tài
sản và góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hoàng Môn;

Bà Sử Thị Huyền Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- **Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận:** Không

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024 các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị E là chủ hui, bà D là hui viên. bà D tham gia hui của bà E rất nhiều chân, cụ thể: Ngày 29/11/2021 bà E có áp dây hui, loại hui 1.000.000đ/tháng, hui gồm có 20 chân, mẫn hui vào ngày 29/4/2024. bà D có tham gia 2 chân. Trong quá trình tham gia hui bà D đóng đến mẫn hui, số tiền bà D nhận của 1 chân hui là 19.000.000 đồng, trừ tiền cò (hoa hồng) 500.000 đồng, bà D thực nhận là 18.500.000 đồng x 2 chân là 37.000.000 đồng, nhưng bà E chỉ giao lại cho bà D 1 chân là 18.500.000 đồng, bà còn nợ bà D 18.500.000 đồng.

Ngoài ra bà D có tham gia hui của bà E rất nhiều chân, do thời gian lâu quá bà D không nhớ cụ thể. Nhưng sau khi bà E tuyên bố ngừng hui thì bà D và

bà E có tổng kết sổ bà E còn nợ bà D số tiền là 34.600.000 đồng (trong đó có phần tiền 18.500.000 đồng bà E chưa giao), bà E có làm biên nhận và hứa trả bà D mỗi tháng 1 triệu đồng, nhưng bà không trả cho bà D lần nào.

(Do thời gian lâu quá nên bà D không nhớ cụ thể áp hội ngày nào, đóng được mấy lần, nên bà D không thể trình bày được, bà D chỉ căn cứ vào biên nhận)

Ngoài ra ngày 05/5/2021 (al) bà E có hỏi vay của bà D 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng (Ba mươi triệu lãi 1 tháng là 3.000.000đ). Lúc vay có nói thời hạn vay là 1 hoặc 2 tháng trả. Hàng tháng bà E có đóng lãi đến ngày (không nhớ) tháng 5 năm 2023 (từ ngày ngừng hội) thì bà E không đóng lãi cho bà D lần nào nữa, cũng không trả vốn cho bà D.

Quá trình tham gia hội và hỏi vay tiền bà D chỉ biết bà E, chồng bà E không tham gia gì nên bà D chỉ khởi kiện bà E, không khởi kiện yêu cầu chồng bà E.

Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị E trả cho bà D số tiền hội là theo biên nhận là 34.600.000 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

2. Yêu cầu bà Nguyễn Thị E trả cho bà D số tiền hỏi vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị E trình bày: Bà thừa nhận có vay bà Lê Thị D 30.000.000 đồng và có nợ số tiền hội là 34.600.000 đồng. Bà E do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả tiền từ từ 300.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị E trả số tiền hội và số tiền vay còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hội*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Bà Lê Thị D có tham gia hội do bà E làm chủ và có cho bà E vay tiền. Tính đến nay, bà E còn nợ bà D số tiền hội là 34.600.000 đồng và số tiền vay là 30.000.000 đồng. Bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị E trả số tiền hội còn nợ là 34.600.000 đồng và số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà Nguyễn Thị E thừa nhận còn nợ bà Lê Thị D số tiền trên. Căn cứ Điều 92 (*quy định về những tình tiết, sự*

kiện không phải chứng minh) của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận đó là sự thật.

Thấy rằng, bà D có chơi hụi của bà E và có cho bà E vay tiền, bà E cũng đã thừa nhận việc mình nợ tiền hụi và tiền vay của bà D. Đến nay đã quá thời hạn mà bà E chưa số tiền vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Xét về quyền và nghĩa vụ của các bên thấy rằng bà E vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường nên bà D yêu cầu trả số tiền hụi là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà E trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là 34.600.000 đồng và số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà E phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành số tiền 64.600.000 đồng tiền án phí là $64.600.000 \times 5\% = 3.230.000$ đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.615.000 đồng theo biên lai thu số 0002422 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D đối với bà Nguyễn Thị E. Buộc bà Nguyễn Thị E trả cho bà Lê Thị D số tiền hụi còn nợ là 34.600.000 đồng và số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị E phải chịu là 3.230.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.615.000 đồng theo biên lai thu số 0002422 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Kiều D1